

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

ĐỊA CHỈ:	02-HÙNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI:	0270.3822583—0270.3827777
FAX:	0270.3829432
EMAIL:	CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE:	CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 04 năm 2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



QUY CHẾ QUẢN TRỊ

CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG

ĐỊA CHỈ:	02-HƯNG ĐẠO VƯƠNG-PHƯỜNG 1-TP VĨNH LONG
ĐIỆN THOẠI:	0270.3822583—0270.3827777
FAX:	0270.3829432
EMAIL:	CAPNUOCVL@GMAIL.COM
WEBSITE:	CAPNUOCVL.COM.VN

Tháng 04 năm 2018

MỤC LỤC

Chương I	1
QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	1
Điều 2. Giải thích thuật ngữ.....	2
Chương II	3
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	3
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông	3
Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn	3
Điều 5. Điều lệ Công ty	3
Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.....	3
Chương III.....	4
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	4
Điều 7. Hội đồng quản trị	4
Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị	4
Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty.....	6
Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	7
Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị	7
Điều 12. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	7
Điều 13. Tổng Giám đốc.....	7
Điều 14. Người phụ trách quản trị	8
Chương IV	8
BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	8
Điều 15. Ban kiểm soát.....	8
Điều 16. Thành viên Ban kiểm soát.....	8
Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát.....	8
Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên	9
Chương V.....	9
NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH.....	9
Điều 19. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công ty.....	9
Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan.....	10
Điều 21. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty .	11



Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận	11
Điều 23. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập	12
Chương VI	12
BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN	12
Điều 24. Nghĩa vụ công bố thông tin	12
Điều 25. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty	13
Điều 26. Công bố thông tin về quản trị Công ty	13
Điều 27. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc	13
Điều 28. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD	13
Điều 29. Tổ chức công bố thông tin	13
Chương VII	14
GIÁM SÁT	14
Điều 30. Con dấu & chữ ký số	14
Điều 31. Giám sát	14
Điều 32. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty	14
Chương VIII	14
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH	14
Điều 33. Bổ sung và sửa đổi Quy chế	14
Điều 34. Hiệu lực thi hành	15



**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC VĨNH LONG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 67./QĐ-CN ngày 25 / 4 /2018
của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy chế này được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và vận dụng những thông lệ quốc tế tốt nhất về quản trị nội bộ công ty phù hợp với điều kiện của Việt Nam, nhằm đảm bảo sự phát triển bền vững của thị trường chứng khoán và góp phần lành mạnh hoá nền kinh tế.

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị nội bộ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long, quy định các vấn đề liên quan đến quản trị nội bộ Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long, bao gồm:

- a) Đại hội đồng cổ đông;
- b) Hội đồng quản trị;
- c) Ban kiểm soát;
- d) Tổng giám đốc; Phó tổng giám đốc; Kế toán trưởng
- d) Giao dịch với người có liên quan;
- đ) Báo cáo và công bố thông tin.

2. Đối tượng áp dụng

a) Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long: là công ty đại chúng theo quy định tại Khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;

b) Cổ đông của Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của cổ đông;

c) Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, người quản lý Công ty và tổ chức, cá nhân là người có liên quan của các đối tượng này;

d) Tổ chức và cá nhân có quyền lợi liên quan đến Công ty Cổ Phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị của Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Quản trị công ty” là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty bao gồm:

- Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý;
- Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan;
- Đối xử công bằng giữa các cổ đông;
- Đảm bảo hiệu quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty;

b) “Công ty” được hiểu là Công ty Cổ phần Cấp Nước Vĩnh Long.

c) “Điều lệ” là Điều lệ của Công ty, bao gồm mọi sửa đổi được phê chuẩn hợp lệ tại từng thời điểm.

d) “Đại hội đồng cổ đông hoặc ĐHĐCD” gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan cao nhất của Công ty.

đ) “Hội đồng quản trị hoặc HĐQT” là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCD.

e) “Ban Kiểm soát hoặc BKS” là tổ chức do ĐHĐCD bầu, thay mặt ĐHĐCD để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

g) “Tổng Giám đốc hoặc TGD” là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của HĐQT và chịu trách nhiệm trực tiếp trước HĐQT và trước pháp luật về việc tổ chức, điều hành các hoạt động của Công ty...

h) “Người quản lý công ty” là bao gồm: Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, BKS và các vị trí quản lý khác trong Công ty được HĐQT phê chuẩn: Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo quy định của Điều lệ công ty.

k) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.

i) “Người có liên quan” là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 34 Điều 6 của Luật Chứng khoán.

l) Thư ký Công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 6 Quy chế này.

Chương II

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của cổ đông

1. Cổ đông có đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 114, Điều 115 của Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 21, Điều 22 của Điều lệ công ty, ngoài ra cổ đông Công ty có các quyền sau đây:

a) Quyền được đối xử công bằng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được ĐHĐCĐ thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

b) Quyền được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật.

2. Cổ đông có quyền bảo vệ các quyền lợi hợp pháp của mình. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty, quyết định của HĐQT thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty gây thiệt hại cho Công ty, cổ đông có quyền đề nghị hủy hoặc đình chỉ quyết định đó theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Điều 4. Nghĩa vụ của cổ đông lớn

Cổ đông lớn có nghĩa vụ của cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp, ngoài ra phải đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ sau:

1. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của công ty và của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

2. Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Điều lệ Công ty

1. Điều lệ Công ty được ĐHĐCĐ thông qua và không được trái với Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và văn bản pháp luật có liên quan.

2. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ được thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 80 – Điều lệ Công ty.

Điều 6. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

1. Công ty phải tuân thủ đầy đủ trình tự, thủ tục về triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định nội bộ của công ty. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng. Việc mời họp ĐHĐCĐ, thủ tục và tài liệu họp được thực hiện theo quy định tại Điều 27, Điều 28, Điều 29 và Điều 30 - Điều lệ Công ty;

2. HĐQT hoặc người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ sắp xếp chương trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý để thảo luận và biểu quyết từng vấn đề trong chương trình họp ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 26 - Điều lệ Công ty;

3. Hàng năm, Công ty tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên theo quy định của Luật doanh nghiệp. Việc họp ĐHĐCĐ thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp ĐHĐCĐ thường niên.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 7. Hội đồng quản trị

1. HĐQT là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

2. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm.

3. HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 37 Điều lệ Công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

- a) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;
- b) Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Công ty;
- c) Đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành, Điều lệ và quy định nội bộ của Công ty;
- d) Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị Công ty và trình ĐHĐCĐ thông qua theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty;
- đ) Báo cáo hoạt động của HĐQT tại ĐHĐCĐ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty.

Điều 8. Thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên HĐQT là năm (05) người.

2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của Công ty;

3. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

4. Thành viên HĐQT phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp và Điều 39 Điều lệ Công ty.

5. Ứng cử, đề cử thành viên HĐQT:

Việc ứng cử, đề cử thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều 38 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các quy định sau:

a) Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu, ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, trung thành, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố tối thiểu bao gồm:

- Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- Trình độ chuyên môn;
- Quá trình công tác;
- Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ Công ty.

Công ty phải đảm bảo cổ đông có thể tiếp cận thông tin về các Công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng viên HĐQT (nếu có).

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền đề cử ứng viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 38 Điều lệ Công ty.

c) Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại Khoản 4 Điều 114 Luật doanh nghiệp, HĐQT đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều 39 Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc HĐQT giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi ĐHĐCĐ biểu quyết bầu thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật.

6. Thành viên HĐQT Công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của không quá 05 (năm) công ty đại chúng khác.

7. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của Công ty;

d) Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

8. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty.

9. Thành viên HĐQT có quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

10. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và bổ sung thành viên HĐQT được thực hiện theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều 45 Điều lệ Công ty.

Điều 9. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

Hoạt động của doanh nghiệp được thông qua người đại diện theo pháp luật. Người đại diện theo pháp luật sẽ nhân danh và vì lợi ích của Công ty xác lập, thực hiện các giao dịch thể hiện mối quan hệ với các chủ thể trong doanh nghiệp (như với các thành viên, cổ đông góp vốn) hoặc với các chủ thể khác bên ngoài Công ty (đối tác, khách hàng, cơ quan quản lý nhà nước...), đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm được quy định theo Luật doanh nghiệp và được quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty, ngoài ra Người đại diện theo pháp luật của Công ty còn có các trách nhiệm như sau:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của doanh nghiệp;

b) Trung thành với lợi ích của doanh nghiệp; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của doanh nghiệp, không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của doanh nghiệp để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp về việc người đại diện đó và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp chi phối tại các doanh nghiệp khác.

2. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp chịu trách nhiệm cá nhân đối với những thiệt hại cho doanh nghiệp do vi phạm nghĩa vụ quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 10. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. HĐQT bầu một thành viên của HĐQT làm Chủ tịch;
2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật theo quy định tại Điều 3 Điều lệ Công ty và Điều 9 Quy chế này; Chủ tịch HĐQT là chủ tài khoản của Công ty;
3. Chủ tịch HĐQT có nhiệm vụ và quyền hạn được quy định theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 41 và Điều 44 Điều lệ Công ty.

Điều 11. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý 01 lần theo trình tự được quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty và Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.
2. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng theo quy định tại Điều 42 Điều lệ Công ty, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều 43 Điều lệ Công ty.

Điều 12. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và Khoản 2 Điều 37 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của HĐQT và từng thành viên HĐQT theo quy định tại Khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 40 Điều lệ Công ty;
2. Tổng kết các cuộc họp của HĐQT và các quyết định của HĐQT;
3. Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc;
4. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
5. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 13. Tổng Giám đốc

1. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm TGD theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều 48 Điều lệ Công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện của TGD được quy định tại Khoản 4, Điều 48 Điều lệ Công ty;
3. TGD có những quyền hạn và trách nhiệm được quy định tại Khoản 5, Điều 48 Điều lệ Công ty;
4. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng giám đốc được thực hiện theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 49 Điều lệ Công ty;
6. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm TGD thực hiện theo pháp luật hiện hành và quy định tại Khoản 6, Điều 48 Điều lệ Công ty.

Điều 14. Người phụ trách quản trị

1. HĐQT của Công ty bổ nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị và kiêm nhiệm làm Thư ký Công ty.
2. Người phụ trách quản trị Công ty phải là người có hiểu biết về pháp luật, không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.
3. Người phụ trách quản trị Công ty có quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 46 Điều lệ Công ty.

Chương IV

BAN KIỂM SOÁT VÀ THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Ban kiểm soát

1. BKS là tổ chức do ĐHĐCĐ bầu, thay mặt ĐHĐCĐ để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.
2. Việc ứng cử, đề cử BKS được thực hiện theo quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty.

Điều 16. Thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên BKS phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 51 Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.
2. Tốt nghiệp đại học chuyên ngành kế toán hoặc kiểm toán.
3. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên và phải làm việc chuyên trách tại Công ty.
4. Thành viên BKS được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 56 Điều lệ Công ty.
5. Việc bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên BKS được quy định theo pháp luật hiện hành và quy định tại Điều 55 Điều lệ Công ty.

Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 52, Điều 53 và Điều 54 Điều lệ Công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;

3. Giám sát tình hình tài chính Công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc, người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng giám đốc và cổ đông;

4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ Công ty của thành viên HĐQT, Tổng giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại ĐHĐCĐ theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.

Điều 18. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

Báo cáo hoạt động của BKS trình ĐHĐCĐ thường niên theo quy định tại Điểm d5 Điểm d Khoản 2 Điều 136 Luật doanh nghiệp và quy định tại Điều 70 Điều lệ Công ty, ngoài ra phải đảm bảo có các nội dung sau:

1. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên BKS theo quy định tại Khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và quy định tại Khoản 3 Điều 52 Điều lệ Công ty;

2. Tổng kết các cuộc họp của BKS và các kết luận, kiến nghị của BKS;

3. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty;

4. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;

5. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, Tổng giám đốc và các cổ đông.

Chương V

NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Điều 19. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi của người quản lý Công ty

1. Thành viên HĐQT, TGD, thành viên BKS và người quản lý khác có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Công khai các lợi ích liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan.

e) Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, các người quản lý khác và những người liên quan tới các thành viên này không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

g) Có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa Công ty với chính thành viên HĐQT đó hoặc với những người có liên quan đến thành viên đó theo quy định của pháp luật. Công ty phải thực hiện công bố thông tin về nghị quyết ĐHĐCĐ hoặc nghị quyết của HĐQT thông qua các giao dịch nêu trên trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ trên trang thông tin điện tử của Công ty và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

h) Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới thành viên nêu trên, trừ khi ĐHĐCĐ có quyết định khác.

i) Thành viên HĐQT không được biểu quyết đối với các giao dịch mà thành viên đó hoặc người có liên quan đến thành viên đó tham gia, bao gồm các giao dịch mà lợi ích vật chất hay phi vật chất của thành viên HĐQT đó chưa được xác định. Các giao dịch nêu trên phải được công bố trong báo cáo thường niên của Công ty.

k) Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD, cán bộ quản lý khác và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

2. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD và người quản lý khác của Công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

2. Việc kê khai quy định tại Khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

3. Việc kê khai theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này phải được thông báo cho ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên và lưu giữ tại trụ sở chính của doanh nghiệp. Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên HĐQT, BKS, TGD và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai nếu xét thấy cần thiết;

4. Thành viên HĐQT, TGD nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước HĐQT, BKS và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của HĐQT chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của HĐQT thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

5. Khi tiến hành giao dịch với những người có liên quan, Công ty phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện. Nội dung hợp đồng phải rõ ràng, cụ thể và công bố thông tin cho cổ đông khi có yêu cầu.

6. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa những người có liên quan can thiệp vào hoạt động của Công ty và gây tổn hại cho lợi ích của Công ty thông qua việc kiểm soát các kênh mua, bán hàng hóa của Công ty hay lũng đoạn giá cả.

7. Công ty áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cổ đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của Công ty. Công ty không được cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan.

Điều 21. Đảm bảo quyền hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty

1. Công ty phải tôn trọng quyền lợi hợp pháp của các bên có quyền lợi liên quan đến Công ty bao gồm ngân hàng, chủ nợ, người lao động, người tiêu dùng, nhà cung cấp, cộng đồng và những người khác có quyền lợi liên quan đến Công ty.

2. Công ty cần hợp tác tích cực với những người có quyền lợi liên quan đến Công ty thông qua việc:

a) Cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho ngân hàng và chủ nợ để giúp họ đánh giá về tình hình hoạt động và tài chính của Công ty và đưa ra quyết định;

b) Khuyến khích họ đưa ra ý kiến về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các quyết định quan trọng có liên quan tới lợi ích của họ thông qua liên hệ trực tiếp với HĐQT, BKS và TGD.

3. Công ty phải tuân thủ các quy định về lao động, môi trường, hoạt động có trách nhiệm với cộng đồng và xã hội.

Điều 22. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được ĐHĐCĐ hoặc HĐQT chấp thuận:

a) Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

b) Thành viên HĐQT, TGD và người có liên quan của họ;

c) Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 159 Luật Doanh nghiệp.

2. HĐQT chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên HĐQT, BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

3. ĐHĐCĐ chấp thuận các hợp đồng và giao dịch khác ngoài các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo HĐQT và BKS về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. HĐQT trình dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của giao dịch tại cuộc họp ĐHĐCĐ hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết; hợp đồng hoặc giao dịch được chấp thuận khi có số cổ đông đại diện 65% tổng số phiếu biểu quyết còn lại tán thành.

4. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên HĐQT hoặc TGD có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 23. Tham dự Đại hội đồng cổ đông của kiểm toán viên độc lập

Kiểm toán viên hoặc đại diện Công ty kiểm toán phải được mời dự họp ĐHĐCĐ thường niên để phát biểu ý kiến tại ĐHĐCĐ về các vấn đề liên quan đến báo cáo tài chính năm trong trường hợp Báo cáo kiểm toán có các khoản ngoại trừ trọng yếu.

Chương VI

BÁO CÁO, CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 24. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ bất thường về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho cổ đông và công chúng. Thông tin và cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của cổ đông và nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin được thực hiện theo những phương thức nhằm đảm bảo cổ đông và công chúng đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ từ trong

công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho cổ đông và công chúng đầu tư.

Điều 25. Công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý Công ty

1. Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin về mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty theo quy định tại Điều 134 Luật doanh nghiệp.

2. Trong trường hợp Công ty thay đổi mô hình hoạt động, Công ty phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công bố thông tin trong vòng 24 giờ kể từ khi ĐHĐCĐ có quyết định thay đổi mô hình.

Điều 26. Công bố thông tin về quản trị Công ty

Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị Công ty tại các kỳ ĐHĐCĐ thường niên và trong báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Công bố thông tin về thu nhập của Tổng giám đốc

Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, phải báo cáo ĐHĐCĐ tại cuộc họp thường niên.

Điều 28. Trách nhiệm về báo cáo và công bố thông tin của thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD.

Ngoài các trách nhiệm theo quy định tại Điều 18 Quy chế này, thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD có trách nhiệm báo cáo và công bố thông tin về giao dịch trong các trường hợp sau:

1. Các giao dịch giữa Công ty với công ty mà các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD trong thời gian ba (03) năm trước.

2. Các giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó người liên quan của các thành viên nêu trên là thành viên HĐQT, TGD hoặc cổ đông lớn.

3. Các giao dịch có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với các thành viên nêu trên.

Điều 29. Tổ chức công bố thông tin

1. Công ty xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Luật chứng khoán hiện hành và các văn bản hướng dẫn.

2. Công ty phải có ít nhất một nhân viên công bố thông tin; thư ký Công ty kiêm nhiệm làm nhiệm vụ này. Nhân viên công bố thông tin của Công ty có trách nhiệm sau:

a) Công bố các thông tin của Công ty với công chúng đầu tư theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;

b) Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông liên hệ.

Chương VII

GIÁM SÁT

Điều 30. Con dấu & chữ ký số

1. Con dấu của Công ty được khắc theo quy định của luật pháp hiện hành.
2. Chủ tịch HĐQT, TGD Công ty, người đại diện pháp luật của Công ty được sử dụng và quản lý con dấu, chữ ký số, chứng thư số theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty. Mọi phân công, uỷ quyền, uỷ nhiệm có liên quan tới việc sử dụng và quản lý con dấu, chữ ký số, chứng thư số của Công ty đều phải thực hiện bằng văn bản và có thời hạn cụ thể.
3. TGD Công ty có trách nhiệm chỉ đạo các bộ phận tham mưu lập “Quy chế quản lý, sử dụng và lưu giữ con dấu” của công ty và quy chế quản lý, sử dụng chữ ký số, chứng thư số theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty và quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 30 Quy chế này; trình HĐQT phê duyệt.

Điều 31. Giám sát

1. Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông phải chịu sự giám sát về quản trị Công ty của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và các cơ quan có thẩm quyền khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
2. Công ty và các tổ chức, cá nhân có liên quan có nghĩa vụ cung cấp kịp thời, chính xác các thông tin, tài liệu, dữ liệu liên quan đến hoạt động quản trị của Công ty và giải trình các sự việc liên quan theo yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 32. Xử lý vi phạm về quản trị Công ty

Công ty, các cá nhân, tổ chức có liên quan và các cổ đông vi phạm quy định về quản trị Công ty bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 33. Bổ sung và sửa đổi Quy chế

1. Việc bổ sung, sửa đổi Quy chế này phải được ĐHĐCĐ xem xét quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải xuất phát từ lợi ích của Công ty và sự phù hợp về luật pháp hiện hành.
2. Mọi cổ đông đều có quyền đề xuất sửa đổi Quy chế này và HĐQT phải tổng hợp những đề xuất sửa đổi mang lại hiệu quả, phương thức quản lý tiến bộ hoặc các lợi ích khác làm Công ty phát triển bền vững để trình ĐHĐCĐ xem xét, quyết định.
3. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm 08 chương, 34 điều, được HĐQT Công ty xây dựng, trình ĐHĐCĐ thông qua và có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.
2. Cổ đông Công ty, các thành viên HĐQT, BKS, TGD Công ty và tất cả các cán bộ quản lý trong Công ty chịu trách nhiệm thực hiện Quy chế này; BKS kiểm tra giám sát việc thực hiện quy chế trong Công ty./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Dặng Tấn Chiến